| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐIỆN BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2020/DS- PT
Ngày: 11-02-2020
V/v "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lò Văn Lịch.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hòa.

Bà Bùi Thị Thu Hằng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà***: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLSPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐPT-DS ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Vũ Khắc T - Sinh năm: 1960; địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Đức Đ - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Tuấn A - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ, theo văn bản ủy quyền số 288/UBND-VP ngày 05/3/2019 của chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bà Phạm Thị T1 - Sinh năm: 1960; địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

**4. Người kháng cáo:** Ông Vũ Khắc T là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018; đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Khắc T trình bày**:

Năm 1991 ông T nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn H một mảnh đất tại xã M, huyện Đ, tỉnh Lai Châu (*nay thuộc tổ dân phố A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên*) có chiều mặt đường quốc lộ là 7m, chiều sâu là 17m với giá 1.000.000 đồng. Hai bên có xác lập "*Giấy nhượng đất và hoa mầu*" vào ngày 20/12/1991 và có xác nhận của UBND xã M; ông T đã nộp thuế đầy đủ.

Năm 1995, khi thực hiện việc sắp xếp khu dân cư, cán bộ Ủy ban nhân dân thị xã Đ xuống nói với Nhân dân, trong đó có ông T (không thể hiện bằng văn bản): "*Những người có đất giáp mặt đường 279 (nay là đường V) chỉ được để lại 100m$^2$ với chiều rộng là 5m, chiều sâu 20m, nếu nhà nào còn thừa thì thu hồi cấp cho người khác*"; ông T không có ý kiến phản đối. Sau đó Ủy ban nhân dân thu hồi đất của ông T và có cấp đất tại chỗ cho gia đình ông theo giấy tạm giao đất số 244/ĐC-GĐ ngày 17/5/1996 của Sở địa chính tỉnh Lai Châu, thì diện tích đất được cấp có chiều theo mặt đường là 05m, chiều sâu là 20m và ông phải nộp tiền sử dụng đất là 5.000.000 đồng. Phần đất còn lại của gia đình ông T, Ủy ban nhân dân thu hồi cấp cho gia đình ông Triệu Quang T2 và gia đình bà Nguyễn Thị N. Sau đó, ông T2 đã bán đất cho gia đình ông Vũ Hoàng V và bà Bùi Thị A1. Bà N đã bán đất cho gia đình ông Nguyễn Hùng C và bà Phạm Lệ T3. Các gia đình đã làm nhà trên đất và sử dụng ổn định cho đến nay, ông T không yêu cầu các gia đình này trả lại đất cho ông. Ông T khẳng định, việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) đối với ông là không đúng vì đất của gia đình ông không thuộc diện bị thu hồi theo Quyết định số 424/QĐ/UB/XD ngày 29/7/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, về việc thu hồi đất xây dựng của các hộ dân cư chân đồi H; ông không có tên trong danh sách bị thu hồi đất. Ủy ban nhân dân Thị xã Đ thu hồi đất của ông không có quyết định thu hồi đất, không thông báo, không có kiểm đếm, không bồi thường về đất và tài sản trên đất. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, trả lại ông một lô đất có diện tích 119m$^2$ (chiều rộng theo mặt đường V là 07m, chiều sâu 17m) tại địa chỉ tổ Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên theo giấy nhượng đất và hoa màu lập ngày 20/12/1991 giữa ông T và ông H. Hiện nay, diện tích đất này Ủy ban nhân dân đã giao cho người khác sử dụng nên ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ trả lại cho ông mảnh đất khác tương đương với mảnh đất ông đã nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn H tại thành phố Đ (ông T không xác định về vị trí, giá trị thửa đất cụ thể).

**2. Tại văn bản trả lời số 287/UBND-VP ngày 05/3/2019 và số 1013/UBND-TNMT ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, bị đơn trình bày**:

Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do sau: Gia đình ông T thuộc diện bị thu hồi đất theo quyết định số: 424/QĐ/UB/XD ngày 29/7/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) về việc thu hồi đất xây dựng và cấp đất xây dựng nhà ở cho các hộ dân cư theo quy hoạch tại quyết định số 91/QĐ-UB-CN ngày 02/4/1994 và quyết định 425/QĐ/UB/XDCN ngày 29/7/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) đã thực hiện giải phóng mặt bằng khu đất phải thu hồi đúng theo quyết định số 424/QĐ/UB/XD ngày 29/7/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên).

**3. Tại bản tự khai ngày 05/8/2019 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1 trình bày**:

Bà T1 là vợ của ông T, bà nhất trí như yêu cầu khởi kiện của ông T, thống nhất với lời khai, lời trình bày của ông T trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 Luật đất đai; khoản 1 Điều 166 của BLDS; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T, về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên trả lại ông một lô đất có diện tích 119m$^2$ tại vị trí tương đương với mảnh đất ông đã nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn H tại thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Về án phí: Ông Vũ Khắc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2016/0002210 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/11/2019, nguyên đơn ông Vũ Khắc T kháng cáo toàn bộ đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Ngày 11/11/2019, ông Vũ Khắc T có đơn bổ sung kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Vũ Khắc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm kiểm sát viên có ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T về diện tích 34m$^2$ đất (2m x 17m) vì đã được giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và bản án dân sự phúc thẩm số: 21/2018/DS-PT ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên. Ông T không có quyền yêu cầu khởi kiện lại theo quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T, về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên trả lại cho ông một lô đất có diện tích 85m$^2$ (5m x 17m), tại vị trí tương đương với mảnh đất ông đã nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn H tại thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về tố tụng**: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*" và thụ lý giải quyết vụ án là xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[**2**] **Xét nội dung kháng cáo:**

[2.1] Ngày 04/11/2019, nguyên đơn ông Vũ Khắc T kháng cáo toàn bộ đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Ngày 11/11/2019, ông Vũ Khắc T có đơn bổ sung kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Đơn kháng cáo được làm trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2.2] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo ông Vũ Khắc T cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không cho ông tranh luận, Tòa án phán quyết không căn cứ vào pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/10/2019, do đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh

Điện Biên vẫn tiến hành xét xử vụ án và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T: Trong biên bản kiểm tra đất đai và hộ khẩu tại thị xã Đ lập ngày 19-5-1994 của Đoàn Thanh tra sử dụng đất đai và hộ khẩu, diện tích đất của ông Vũ Khắc T là 128m$^2$ ; kết quả kiểm tra của đoàn thanh tra là "*đất của ông Vũ Khắc T chưa có đủ giấy tờ về quyền sử dụng đất và nhà ở nằm trong vùng giải tỏa*" (Bút lục 49-50). Tại kết luận số 95/YC-TTr ngày 22-7-1994 về việc yêu cầu xử lý kinh tế và hành chính qua kết luận của Đoàn thanh tra thể hiện: "..việc xác nhận giấy chuyển nhượng…..giao *Ủy ban nhân dân thị xã Đ có trách nhiệm ra Quyết định thu hồi các loại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng thẩm quyền; thu hồi giấy xác nhận cho phép chuyển nhượng đất đai tài sản trên đất của các hộ gia đình do Ủy ban nhân dân xã M xác nhận, trước đây đã xác nhận đồng ý cho phép chuyển nhượng không đúng thẩm quyền*". Theo đó, giấy nhượng đất và hoa màu viết tay lập ngày 20/12/1991 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường H giữa người chuyển nhượng là ông Trần Văn H người nhận chuyển nhượng là ông Vũ Khắc T được Đoàn thanh tra kết luận là không đúng quy định và phải thu hồi (Bút lục 44 - 48). Tuy nhiên, từ đó cho đến nay Ủy ban nhân dân thị xã Đ chưa thu hồi giấy chuyển nhượng đất ngày 20/12/1991 giữa ông H và ông T.

Theo Quyết định số: 26/QĐ-UB-XD ngày 12/01/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giải tỏa dọc tuyến đường 279 để mở rộng đường từ 10,5m lên 28m, hộ ông Vũ Khắc T có một phần diện tích đất bị thu hồi để phục vụ việc mở rộng này. Phần còn lại bị thu hồi theo Quyết định 424 ngày 29/7/1995 thu hồi đất của các hộ dân chân đồi H ven đường 279 để cấp cho dân cư theo qui hoạch của tỉnh. Tại thời điểm đó chính quyền địa phương tổ chức họp xét giải quyết đất khu ven cư đối với 09 hộ gia đình trong đó có gia đình ông Vũ Khắc T; hộ gia đình ông được sắp xếp cấp tại chỗ, hộ ông Vũ Khắc T không có ý kiến gì. Ngày 11/5/1995 Ủy ban nhân dân thị xã Đ bàn giao đất tại thực địa, ông Vũ Khắc T thay mặt gia đình ký nhận lô đất số 05 ngày 17/5/1996, sau đó ông T nộp thuế sử dụng đất 5.000.000 đồng và nhận được Quyết định tạm giao đất số 244 của Sở địa chính tỉnh Lai Châu.

Trong phiên tòa hành chính sơ thẩm ngày 12-9-2017 do Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên mở, ông Vũ Khắc T thừa nhận nguồn gốc đất chuyển nhượng năm 1991 giữa ông T và ông H thực tế đã bị thu hồi: Trong đó, một phần đất bị thu hồi làm đường 279, diện tích còn lại cũng bị thu hồi vì gia đình ông đã phải tháo dỡ nhà, công trình phụ, vật kiến trúc trên đất và được Ủy ban nhân dân thị xã cấp để lại 5m cho gia đình, diện tích đất còn lại được cấp cho các hộ gia đình khác sử dụng ổn định cho đến nay.

Như vậy có thể thấy, việc chuyển nhượng đất và hoa màu giữa ông T và ông H là không hợp pháp, do đó diện tích đất theo giấy chuyển nhượng và hoa màu giữa ông H và ông T ngày 20/12/1991 đã bị thu hồi theo Quyết định 26/QĐ-UB-XD ngày 12/01/1995 và Quyết định 424/QĐ-UB-XD ngày

20/7/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sau đó được cấp cho người khác sử dụng theo Quyết định số 425/QĐ-UB-XD ngày 29/7/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên). Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Luật đất đai thì: "Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của nhà nước". Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự ông Vũ Khắc T không có quyền quyền đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T là có căn cứ.

Xét về diện tích đất theo Giấy chứng nhận năm 1991 và diện tích đất thực tế sử dụng thấy rằng: Diện tích theo giấy tờ chuyển nhượng là 07m x17m = 119m$^2$; diện tích thực tế sử dụng đất của ông T là 128m$^2$. Như vậy, Toà án nhân dân cấp sơ thẩm đã giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T đối với diện tích đất 119m$^2$ là vượt quá quyền khởi kiện của ông Vũ Khắc T. Tại bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và bản án phúc thẩm số 21/2018/DS-PT ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã giải quyết 3,5m x 17m = 59,5m$^2$; trong đó có: 2m x 17m = 34m$^2$ nằm trong giấy tờ chuyển nhượng, còn 1,5m x17m = 25,5m$^2$ là phần diện tích sử dụng thực tế không nằm trong giấy tờ chuyển nhượng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông trong bản án cấp sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có 2m x17m = 34m$^2$ là phần diện tích thuộc 59,5m$^2$ đã được xem xét giải quyết tại bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và bản án phúc thẩm số 21/2018/DS-PT ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có hiệu lực pháp luật, do đó ông T chỉ có quyền khởi kiện đối với phần diện tích còn lại chưa được Tòa án xem xét giải quyết". Việc Tòa án sơ thẩm thụ lý và giải quyết tất cả yêu cầu khởi kiện của ông Tiệp là không chính xác. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cần hủy và đình chỉ phần này của bản án sơ thẩm và sửa một phần bản án sơ thẩm.

Như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T.

Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên căn cứ vào khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho ông Vũ Khắc T theo biên lai số AA/2010/09369 ngày 11/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 308, Điều 309, 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 luật đất đai, khoản

1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tung dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Hủy và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T đối với diện tích 34m$^2$ (2m x17m = 34m$^2$) trong tổng diện tích 119m$^2$ (vì đã được giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và bản án dân sự phúc thẩm số 21/2018/DS-PT ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T, về việc yêu cầu UBND thành phố Đ trả lại cho ông một lô đất có diện tích 85m$^2$ (5m x17m).

3. Về án phí phúc thẩm:

Án phí phúc thẩm: Ông Vũ Khắc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho ông Vũ Khắc T theo biên lai số AA/2010/09369 ngày 11/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/02/2020).

***Nơi nhận***:
- TAND TP Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lò Văn Lịch**

| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐIỆN BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 01/QĐ-SCBSBA | *Điện Biên, ngày 02 tháng 3 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN PHÚC THẨM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do "Nhầm lẫn về soát xét, đánh máy vi tính" trong bản án số: 01/2020/DS-PT ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên đã xét xử phúc thẩm vụ án dân sự về "Tranh chấp kiện đòi tài sản" giữa:

**1. Nguyên đơn:** Ông Vũ Khắc T - Sinh năm: 1960; địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

**2. Bị đơn:** Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Đức Đ - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Tuấn A - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ, theo văn bản ủy quyền số 288/UBND-VP ngày 05/3/2019 của chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bà Phạm Thị T1 - Sinh năm: 1960; địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án phúc thẩm số: 01/2020/DS-PT ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên như sau:

Tại dòng thứ 06, 07, trang 07 phần Quyết định từ trên xuống dưới của bản án đã ghi: "Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 308, Điều 309, 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 luật đất đai, khoản...".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 192, **điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218,** Điều 308, Điều 309, **Điều 311** của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 luật đất đai, khoản...".

Tại dòng thứ 16, trang 07 phần Quyết định từ trên xuống dưới của bản án đã ghi: "...thẩm số 21/2018/DS-PT ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên...".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "...thẩm số 21/2018/DS-PT ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên; **đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại**.".

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Tòa án ND thành phố Đ;
- Chi cục THADS TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lò Văn Lịch**